**Note for HTML – CSS**

***06/03/2023***

Join Zoom Meeting https://zoom.us/j/95649474380?pwd=VjJ6aVgwdEtJbXY5cDUySmtpd1k0UT09

**Các thẻ:**

<b> - Chữ in đậm

<strong> - Văn bản quan trọng

<i> - Văn bản in nghiêng

<em> - Văn bản được nhấn mạnh

<mark> - Văn bản được đánh dấu

<small> - Văn bản nhỏ hơn

<del> - Văn bản đã xóa - <p> Màu yêu thích của tôi là <del> xanh lam </del> đỏ. </p>

<ins> - Đã chèn văn bản

<sub> - Văn bản chỉ số con - <p> Đây là văn bản <sub> được đăng ký </sub>. </p>

<sup> - Văn bản chỉ số trên

<tagname style="property:value;">

**Phông chữ**

Thuộc tính font-family CSS xác định phông chữ được sử dụng cho một phần tử HTML:

Thí dụ:

<h1 style="font-family:verdana;">This is a heading</h1>

<p style="font-family:courier;">This is a paragraph.</p>

**Cỡ chữ**

<h1 style="font-size:300%;">This is a heading</h1>

<p style="font-size:160%;">This is a paragraph.</p>

**Căn chỉnh văn bản**

<h1 style="text-align:center;">Centered Heading</h1>

<p style="text-align:center;">Centered paragraph.</p>

\*\*

* *Sử dụng thuộc tính style để tạo kiểu cho các phần tử HTML*
* *Sử dụng background-color cho màu nền*
* *Sử dụng color cho màu văn bản*
* *Sử dụng font-family cho phông chữ văn bản*
* *Sử dụng font-size cho các kích thước văn bản*
* *Sử dụng text-align để căn chỉnh văn bản*

\*\*

**Cỡ ảnh – Chiều rộng và chiều cao**

<img src="http://bob.codegym.vn/assets/images/Codegym-bob-RIGHTxWH200.png" alt="Mr. Bob icon" style="width:208px;height:128px;">

**Đặt vị trí cho ảnh**

*Dùng thuộc tính CSS float để đặt ảnh bên trái hoặc bên phải văn bản:*

<p><img src="http://bob.codegym.vn/assets/images/Codegym-bob-RIGHTxWH200.png" alt="Smiley face" style="float:right;width:42px;height:42px;">The image will float to the right of the text.</p>

<br/>

<p><img src="http://bob.codegym.vn/assets/images/Codegym-bob-RIGHTxWH200.png" alt="Smiley face" style="float:left;width:42px;height:42px;">The image will float to the left of the text.</p>

**Bản đồ ảnh**

<body style="background-color:#272780;">

<img src="http://bob.codegym.vn/assets/images/Codegym-bob-xh100.png" alt="Codegym map" usemap="#codegymmap" style="width:360px;height:126px;">

<map name="codegymmap">

<area shape="rect" coords="0,0,262,126" alt="Codegym" href="http://codegym.vn" target="\_blank">

<area shape="circle" coords="300,58,38" alt="Codegy Bob" href="http://bob.codegym.vn" target="\_blank">

</map>

</body>

*\*\**

* *Dùng thẻ <img> để định nghĩa một hình ảnh*
* *Dùng thuộc tính src để định nghĩa URL của hình ảnh*
* *Dùng thuộc tính alt để định nghĩa dòng chữ thay thế cho ảnh khi ảnh không hiển thị được*
* *Dùng thuộc tính width và height để định nghĩa kích thước của ảnh*
* *Dùng thuộc tính CSS width and height để chắc chắn định nghĩa kích thước ảnh (không bị các thuộc tính CSS khác ghi đè)*
* *Dùng thuộc tính CSS float để xếp vị trí ảnh*
* *Dùng thẻ <map> để định nghĩa một bản-đồ-ảnh(image-map)*
* *Dùng thẻ <area> để định nghĩa các vùng có thể click bản-đồ-ảnh*
* *Dùng thuộc tính usemap của thẻ <img> để trỏ ảnh đến thẻ <map> tương ứng*
* *Dùng thẻ <a> để định nghĩa một liên kết*
* *Dùng thuộc tính href để định nghĩa địa chỉ của liên kết*
* *Dùng thuộc tính target để định nghĩa cách trình duyệt mở liên kết*
* *Dùng thẻ <img> bên trong thẻ <a> để tạo liên kết bằng ảnh*
* *Dùng thuộc tính id (id=”bookmark\_1“) để tạo bookmark cho trang web*
* *Dùng thuộc tính href (href=”#bookmark\_1“) để liên kết đến bookmark có id = bookmark\_1*

\*\*

**Danh sách không theo thứ tự**

Ta định nghĩa danh sách không theo thứ tự bằng thẻ <ul>, viết tắt của unordered list.

Mỗi phần tử của danh sách được định nghĩa bằng thẻ <li>, viết tắt của list item.

<ul>

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

|  |  |
| --- | --- |
| **Giá trị** | **Miêu tả** |
| disc | (Mặc định) Các biểu tượng là hình tròn màu đen |
| circle | Các biểu tượng là hình tròn rỗng |
| square | Các biểu tượng là hình vuông |
| none | Không hiển thị các biểu tượng |

</ul>

Ví dụ giá trị disc

<ul style="list-style-type:disc">

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

</ul>

 Ví dụ dùng giá trị **circle**:

<ul style="list-style-type:circle">

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

</ul>

Ví dụ dùng giá trị **square**:

<ul style="list-style-type:square">

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

</ul>

Ví dụ dùng giá trị **none**:

<ul style="list-style-type:none">

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

</ul>

**Danh sách theo thứ tự**

Ta định nghĩa một danh sách xếp theo thứ tự bằng thẻ **<ol>** (**o**rdered **l**ist). Mỗi phần tử của danh sách được định nghĩa bằng thẻ **<li>**(list **i**tem).

<ol>

<li>Coffee</li>

<li>Tea</li>

<li>Milk</li>

</ol>

**Thuộc tính type của danh sách theo thứ tự**

|  |  |
| --- | --- |
| **Type** | **Miêu tả** |
| type=”1” | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng số (Mặc định) |
| type=”A” | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ cái hoa |
| type=”a” | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ cái thường |
| type=”I” | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ số La Mã hoa |
| type=”i” | Các phần tử sẽ được đánh thứ tự bằng chữ số La Mã thường |